|  |  |
| --- | --- |
| ****TÊN CƠ SỞ****  ****Số: 01/GCN-TS**** | ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****  ****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**** |

****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****

****Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản****

Kính gửi: Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Thủy sản Hải Phát

- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0123456789

- Địa chỉ trụ sở: 456 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

- Số điện thoại: 0987.654.321 Số Fax: 0987.654.322 E-mail: thuy-san-hai-phat@email.com

2. Đề nghị kiểm tra, thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Thức ăn thủy sản

|  |
| --- |
|  |
| ****TT**** | ****Loại sản phẩm**** | ****Dạng sản phẩm, công suất thiết kế**** | ****Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc m3/năm)**** |
| 1 | Thức ăn hỗn hợp | Ấu trùng cá mòi, ếch | 300 tấn/năm |
|  | - Thức ăn hỗn hợp cho cá, tôm | Thức ăn cho cá nước ngọt | 500 tấn/năm |
|  | - Thức ăn hỗn hợp cho ếch, lươn... |  |  |
|  | - Thức ăn hỗn hợp cho động vật thủy sản làm cảnh |  |  |
|  | - Thức ăn hỗn hợp khác |  |  |
| 2 | Thức ăn bổ sung (chất bổ sung) |  |  |
|  | - Chế phẩm sinh học, vi sinh vật |  |  |
|  | - Hỗn hợp khoáng, vitamin,... | Vitamin cho cá | 200 tấn/năm |
|  | - Thức ăn bổ sung khác |  |  |
| 3 | Thức ăn tươi, sống | Tôm sống | 100 tấn/năm |
| 4 | Nguyên liệu | Cá cơm, thức ăn dầu cho cá | 150 tấn/năm |

****b) Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản****

|  |
| --- |
|  |
| ****TT**** | ****Loại sản phẩm**** | ****Dạng sản phẩm, công suất thiết kế**** | ****Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc m3/năm)**** |
| 1 | Hoá chất | Tricloroethylene | 50 tấn/năm |
| 2 | Chế phẩm sinh học, vi sinh vật | EM (Effective Microorganisms) | 30 tấn/năm |
| 3 | Chất xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản | Khoáng tự nhiên, hỗn hợp khoáng | 100 tấn/năm |
| 4 | Sản phẩm khác | Biofloc (vật liệu bảo vệ môi trường) | 80 tấn/năm |

****c) Sản phẩm sử dụng cho cả 2 mục đích: Bổ sung thức ăn và xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản****

|  |
| --- |
|  |
| ****TT**** | ****Loại sản phẩm**** | ****Dạng sản phẩm, công suất thiết kế**** | ****Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc m3/năm)**** |
| 1 | Chế phẩm sinh học, vi sinh vật. | Bổ sung vi sinh vật | 100 tấn/năm |
| 2 | Hỗn hợp khoáng, vitamin, ... | Khoáng tự nhiên, vitamin | 120 tấn/năm |

3. Hồ sơ và tài liệu kèm theo đơn này, gồm:

Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

4. Đăng ký cấp lần đầu (hoặc khi thay đổi, bổ sung điều kiện sản xuất): □

5. Đăng ký cấp lại: X

Lý do cấp lại: Cấp lại do sơ đồ tổ chức sản xuất đã thay đổi và cần cập nhật.

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; duy trì và chấp hành việc kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và nộp phí, lệ phí kiểm tra điều kiện và kiểm tra duy trì điều kiện theo quy định.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  - Lưu: Tại cơ sở. | TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2024  ****CHỦ CƠ SỞ****  ****(Ký tên, đóng dấu)**** |